

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Kỹ nghệ Khoáng sản Quảng Nam

Ngày 30/09/2025	16,700 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-2.3%	2.3%	-3.8%

DT thuần Q3/25
62.5
tỷ VNĐ
QoQ: ▼1.40 -2.1%
YoY: ▲ 16.2 35.1%

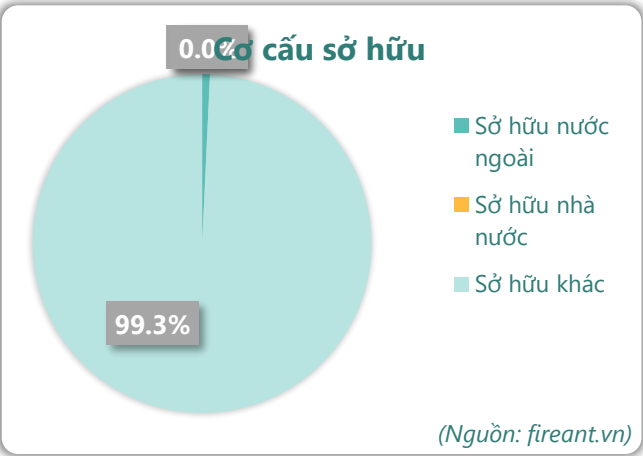
LN thuần Q3/25
2.32
tỷ VNĐ
QoQ: ▼4.36 -65.2%
YoY: ▼0.06 -2.4%

LN sau thuế Q3/25
0.30
tỷ VNĐ
QoQ: ▼6.32 -95.5%
YoY: ▼0.86 -74.5%

Tỷ suất lãi EBIT Q3/25
3.8%
YoY: +/- ▼ 7.8%

ROE (TTM) Q3/25

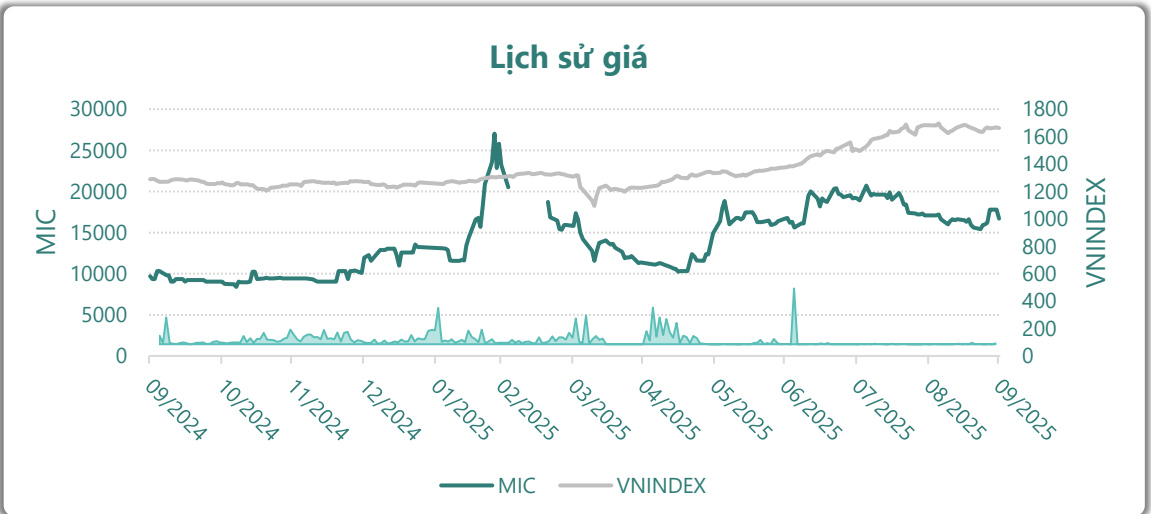
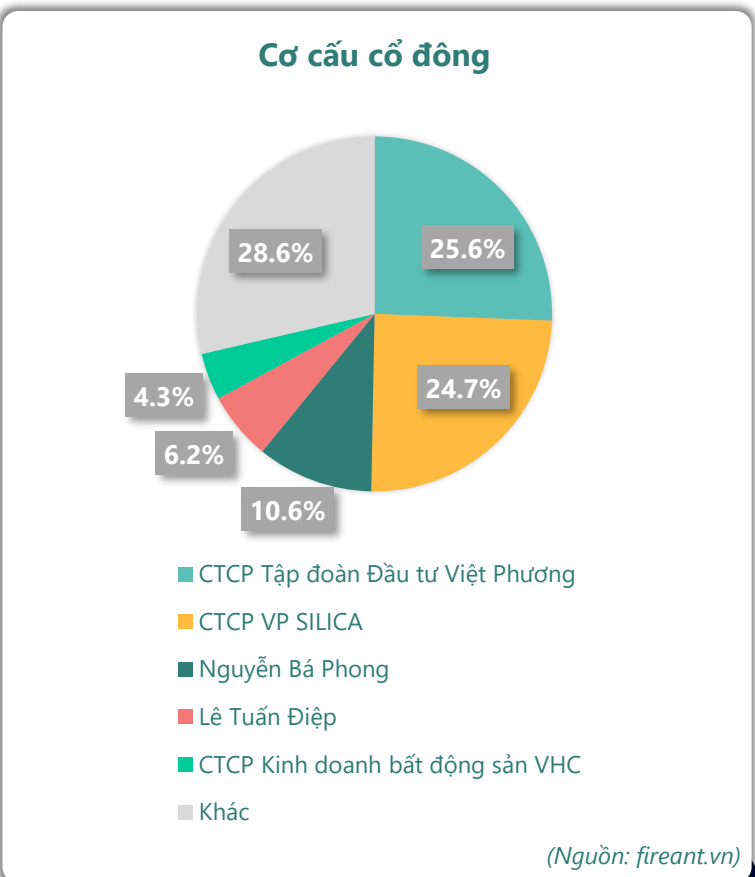
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	143
Số lượng CPLH (CP)	8,547,445
KLGD BQ 20 phiên (CP)	12,295
Sở hữu nước ngoài	0.7%
Beta	1.17
EPS	
P/E	



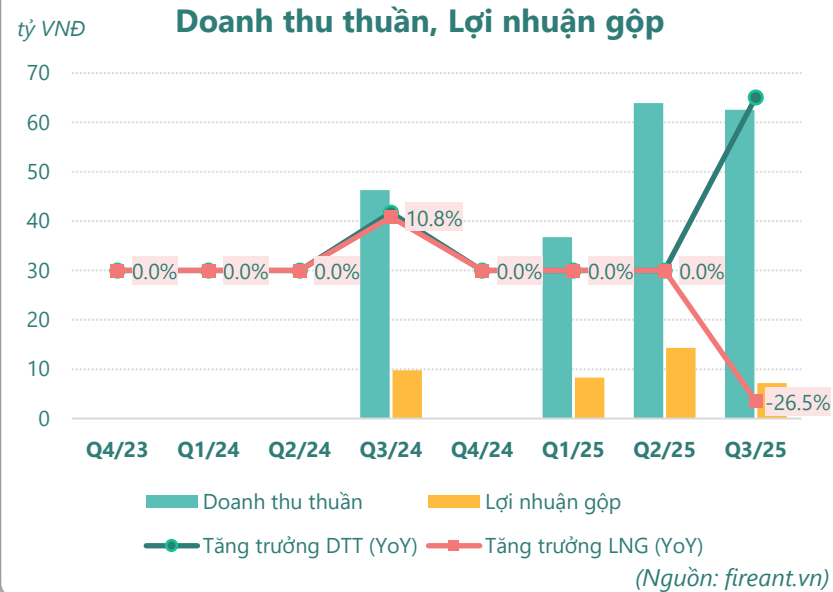
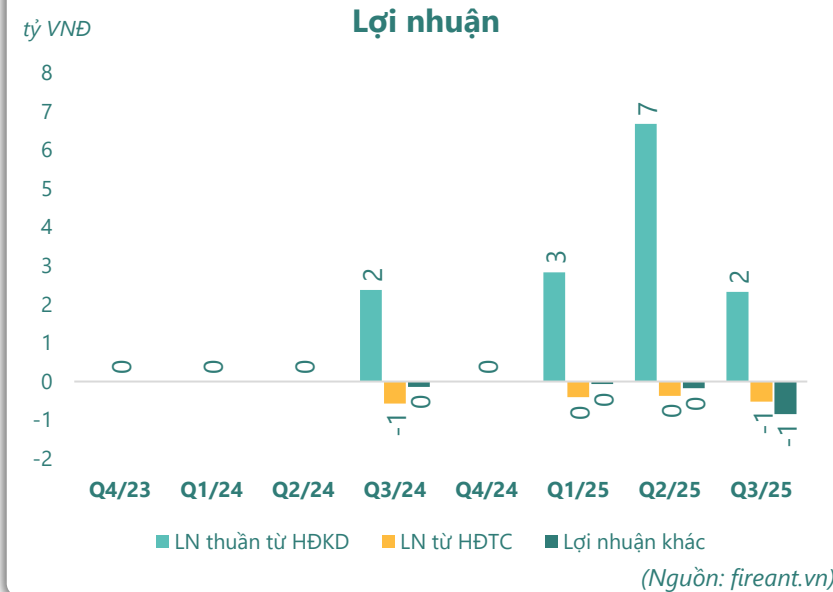
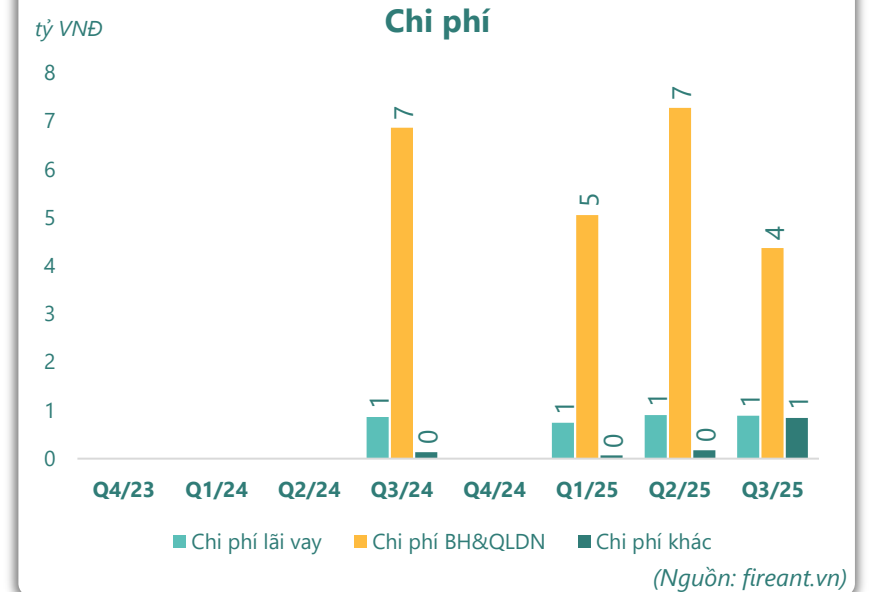
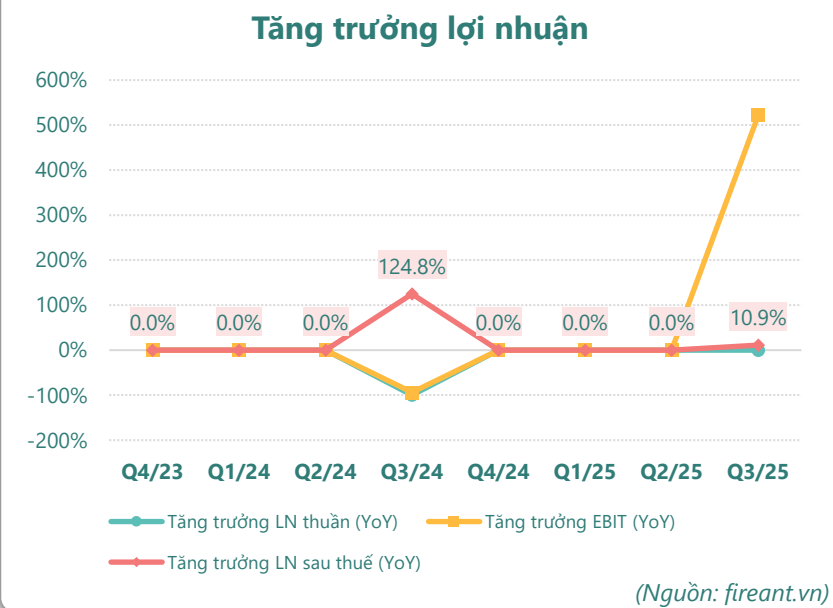
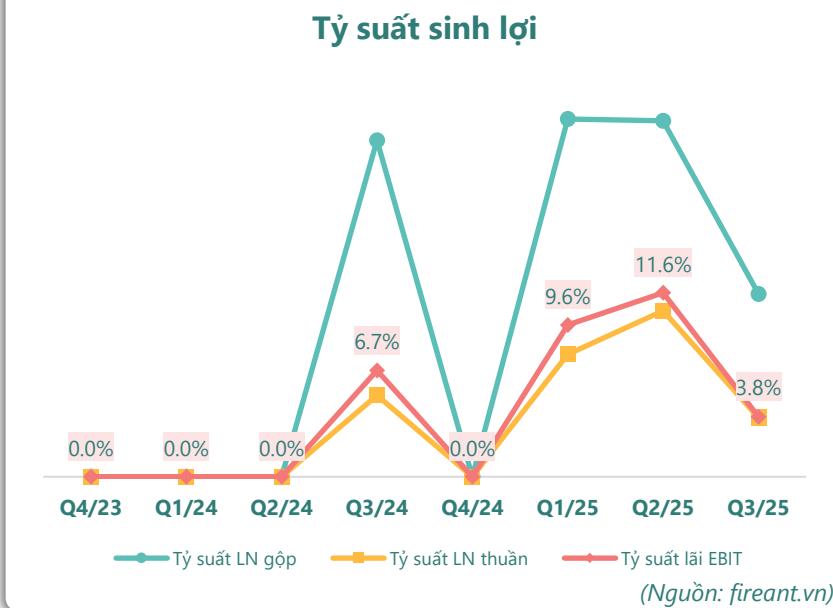
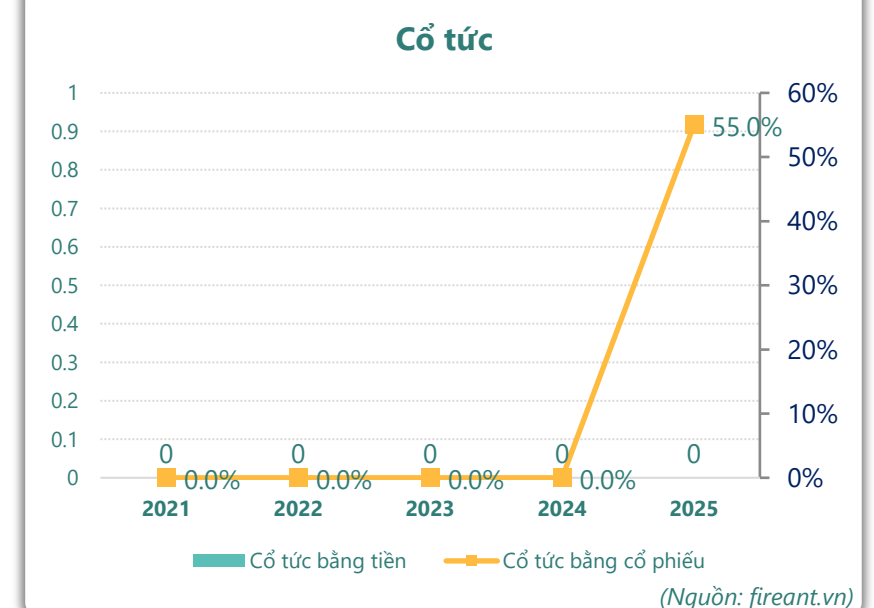
DT thuần 9T 2025
163
tỷ VNĐ

LN thuần 9T 2025
11.8
tỷ VNĐ

LN sau thuế 9T 2025
8.47
tỷ VNĐ



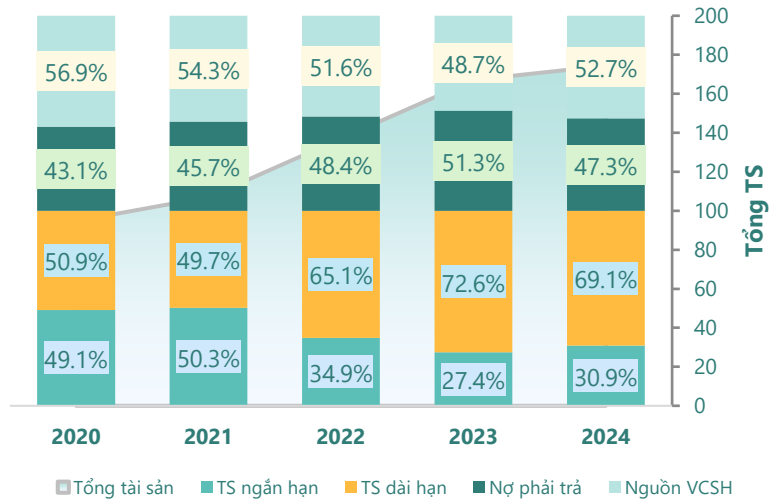
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

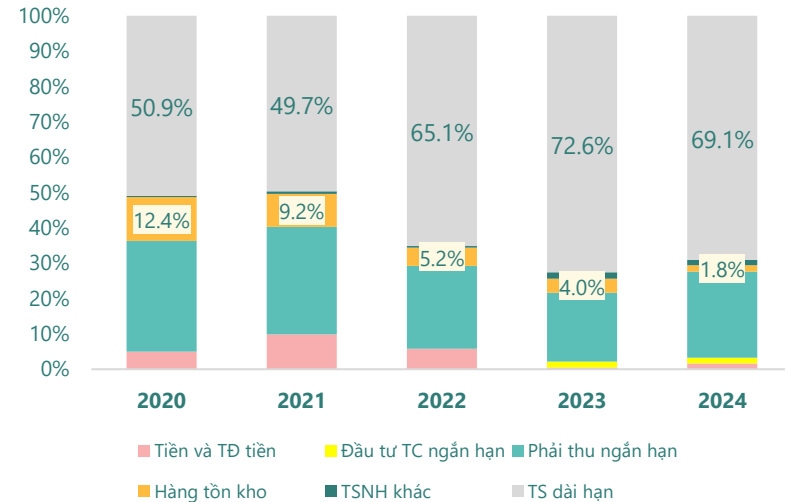
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

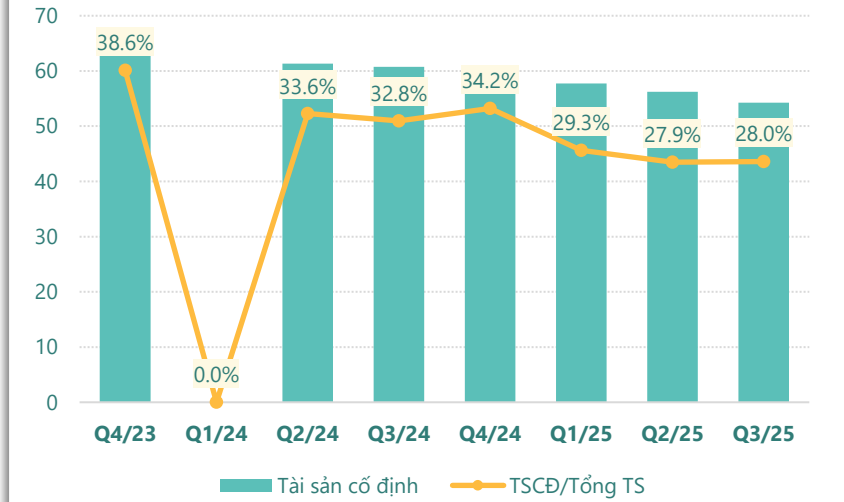
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

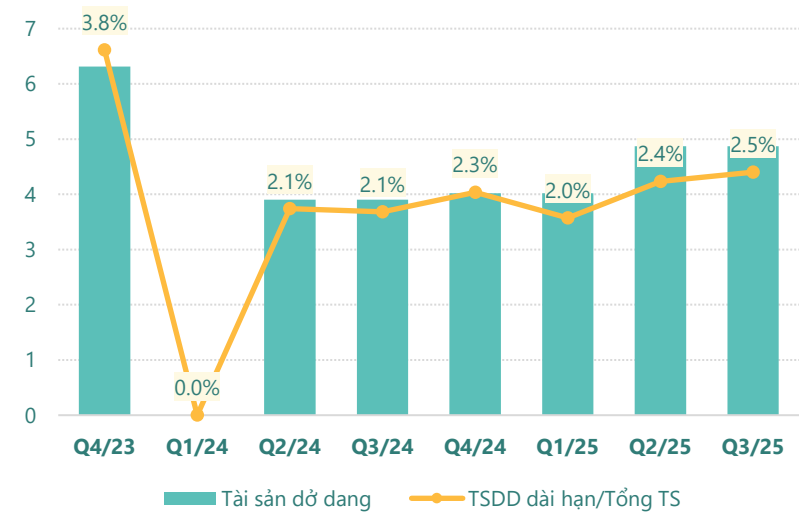
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

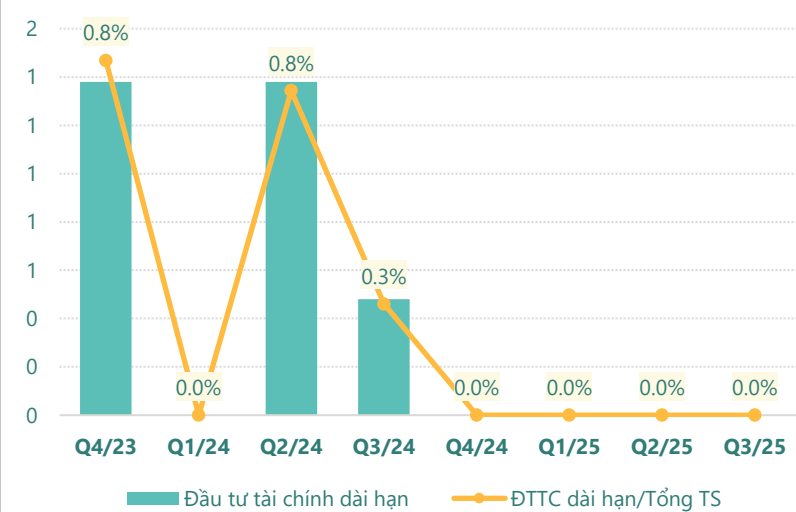
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

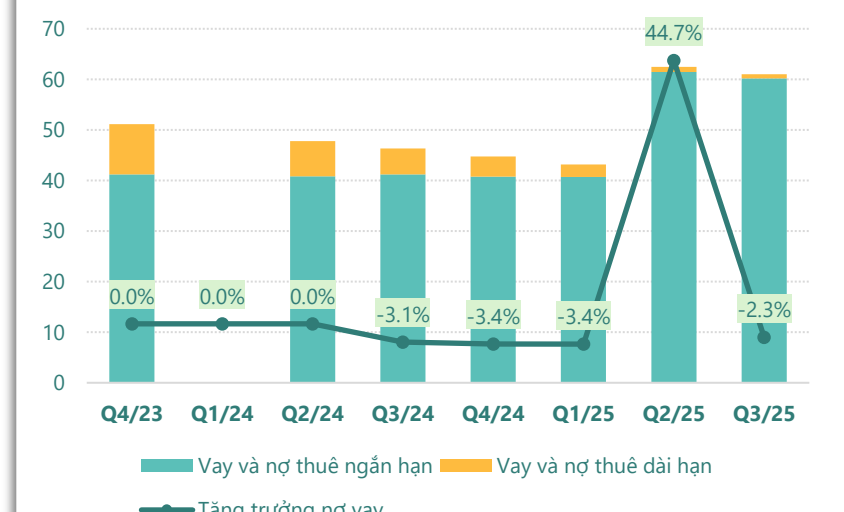
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

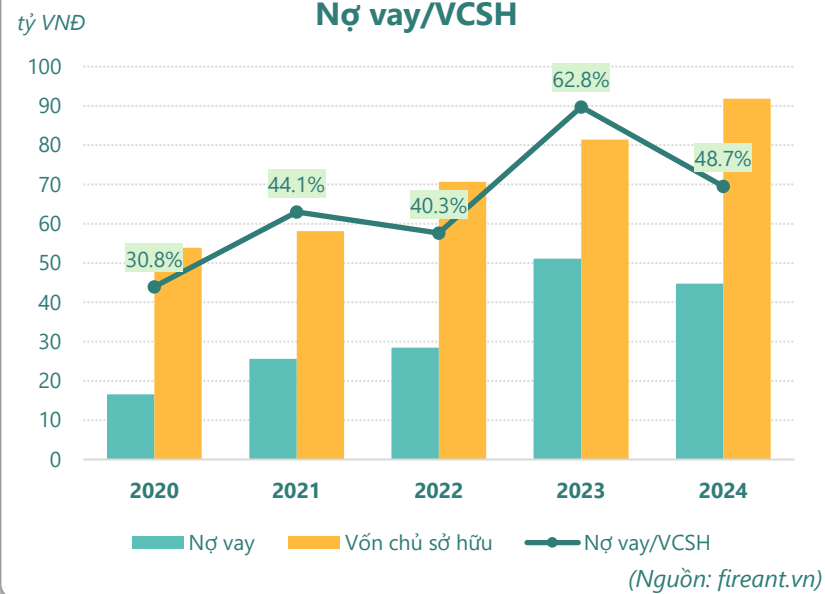
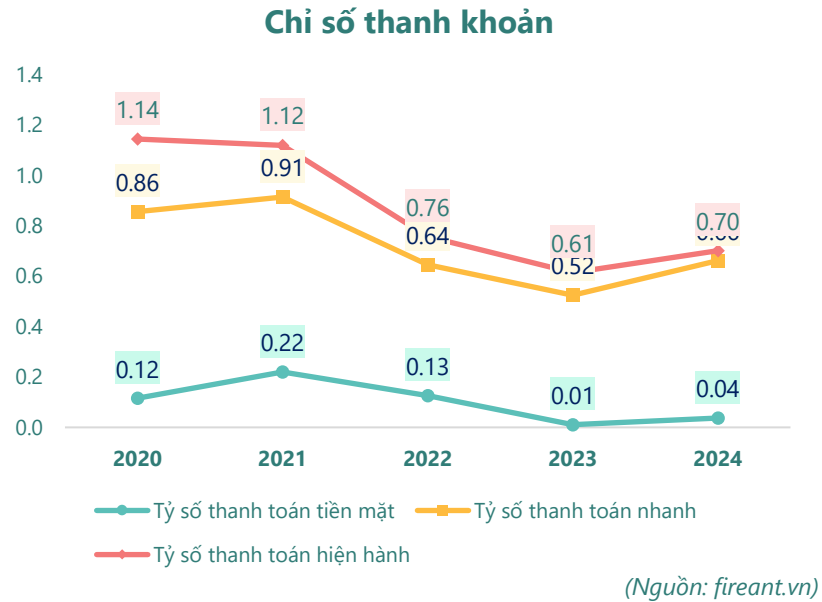
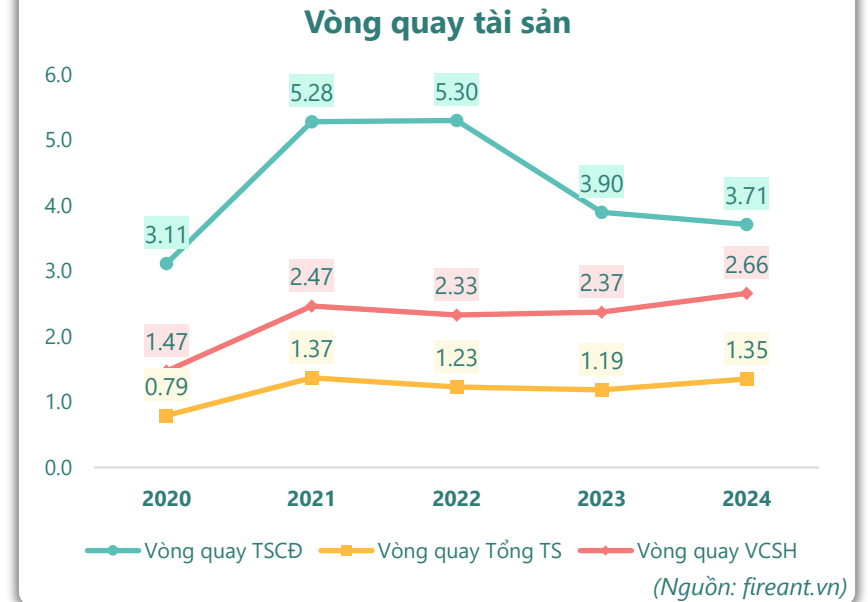
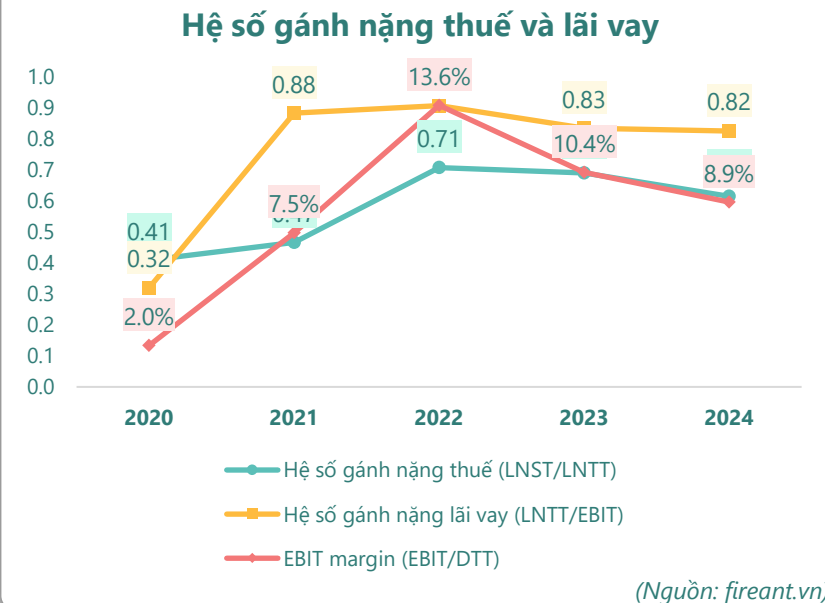
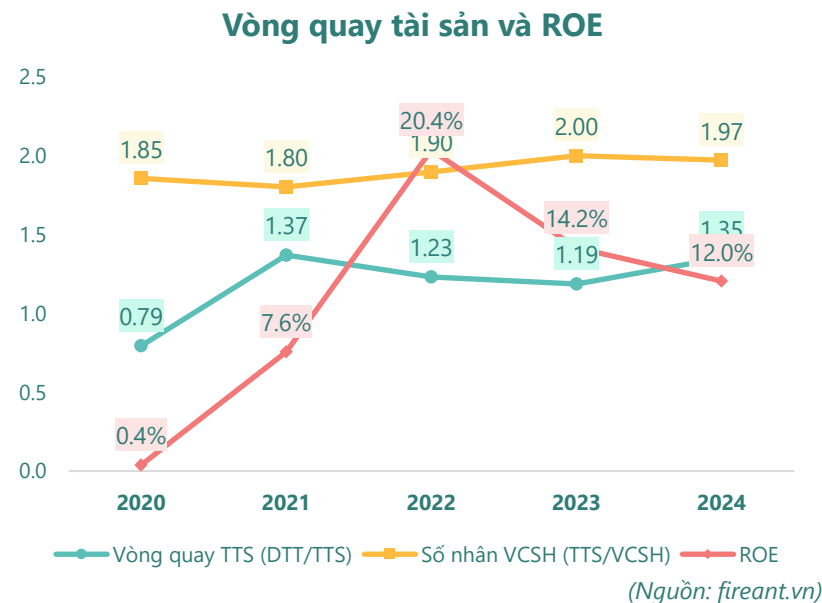
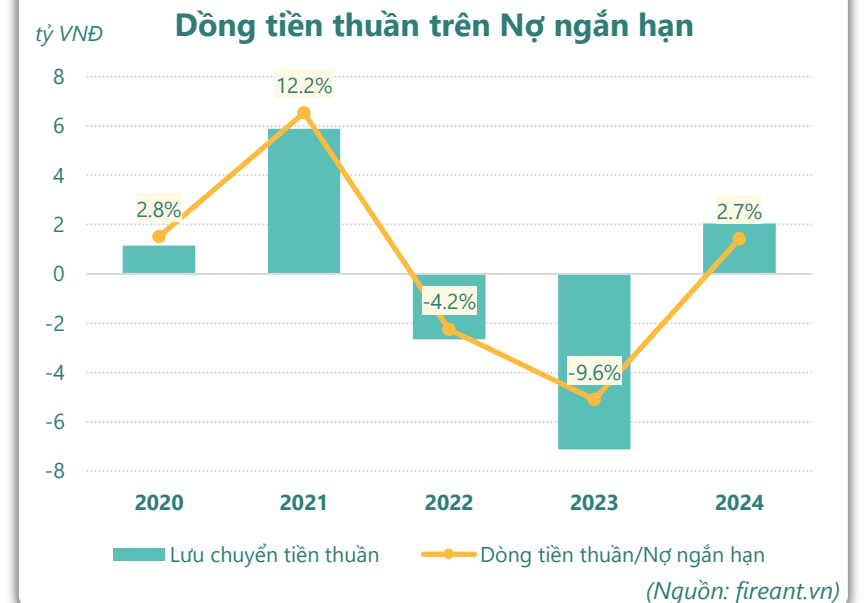
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	62.5	46.3	35.1%	163		
Giá vốn hàng bán	55.3	36.5	51.6%	133		
Lợi nhuận gộp	7.21	9.81	-26.5%	29.8		
Doanh thu HĐTC	0.37	0.30	23.2%	1.24		
Chi phí TC	0.89	0.87	2.3%	2.54		
Chi phí lãi vay	0.89	0.86	3.4%	2.54		
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0		
Chi phí bán hàng	0	1.45	-100%	0		
Chi phí QLDN	4.37	5.41	-19.2%	16.7		
LN thuần từ HĐKD	2.32	2.38	-2.4%	11.8		
Lợi nhuận khác	-0.85	-0.14	-504%	-1.09		
LN trước thuế	1.48	2.24	-34.1%	10.8		
Lợi nhuận sau thuế	0.30	1.16	-74.5%	8.47		
LNST của CĐ cty mẹ	0.30	1.16	-74.5%	8.47		

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0	2.72	0	0.65	-19.0	4.77
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	-0.69	0	-0.03	-0.39	0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	-1.47	0	-1.54	19.3	-1.43
Tiền đầu kỳ	0	0.80	0	2.84	1.92	1.84
Lưu chuyển tiền thuần	0	0.56	0	-0.93	-0.08	3.35
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0	1.37	0	1.92	1.84	5.18

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	194	174	11.0%
Tài sản ngắn hạn	71.8	53.9	33.0%
Tiền và tương đương tiền	5.18	2.84	82.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	2.77	2.77	0.0%
Phải thu ngắn hạn	52.3	42.6	22.9%
Hàng tồn kho	8.74	3.05	186%
Tài sản ngắn hạn khác	2.74	2.71	1.0%
Tài sản dài hạn	122	120	1.1%
Phải thu dài hạn	54.5	47.7	14.3%
Tài sản cố định	54.3	59.6	-9.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	4.87	4.02	21.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	8.13	9.06	-10.2%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	93.2	82.5	13.0%
Nợ ngắn hạn	90.6	76.9	17.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	60.2	40.7	47.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	14.7	10.4	41.8%
Nợ dài hạn	2.62	5.62	-53.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	0.87	3.98	-78.1%
Nguồn vốn chủ sở hữu	100	91.9	9.2%
Vốn chủ sở hữu	100	91.9	9.2%
Vốn điều lệ	85.8	55.4	54.7%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

